

Bản án số: 36/2017/HSST

Ngày 04-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Ông Mai Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh năm 1966; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình; số CMND 15086****; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Trần Thị D; có vợ là Phạm Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án: Bản án số 33/2014/HSST ngày 31/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Văn Q 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù tháng 7/2016, chưa thi hành khoản tiền phạt; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/3/2017 đến ngày 01/4/2017 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K X; có mặt.

2. Lê Văn L, sinh năm 1971; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình; số CMND 151100***; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; con ông Lê Văn Tr và bà Trần Thị T (đều đã chết); có vợ là Phạm Thanh X và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/12/2011 bị đưa vào trung tâm cai nghiện với thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 7333/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện T

ngày 20/12/2011. Ngày 19/7/2012 Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 2866/QĐ-UBND về việc hoãn chấp hành chữa bệnh ở Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội đối với Lê Văn L vì lý do L mắc bệnh viêm phế quản phổi nằm ngoài khả năng chữa trị của trung tâm, đến nay L chưa chấp hành phần thời gian còn lại của Quyết định số 7333/QĐ-UBND ngày 20/12/2011; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/3/2017 đến ngày 01/4/2017 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K X; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Q và Lê Văn L đều là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/3/2017, Lê Văn L sang nhà Lê Văn Q rủ Q mua ma túy về sử dụng, Q đồng ý, mỗi bị cáo đã góp 150.000 đồng để đi mua ma túy. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DITECH màu xanh biển kiểm soát 17H2-8343 chở Q sang khu vực chợ G, huyện T, tỉnh Nam Định. Đến nơi L đứng ngoài xe chờ còn Q cầm tiền đi vào khu vực chợ G gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên địa chỉ, đưa 300.000 đồng hỏi mua ma túy. Người đàn ông đó nhận tiền và đưa cho Q 01 gói bên ngoài được gói bằng túi ni lông màu trắng, bên trong có chứa ma túy. Q cầm gói ma túy ra chỗ L đợi và tiếp tục ngồi sau xe L chở về. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L chở Q về đến chợ Gốc thuộc thôn Đ B, xã B T, huyện K X, tỉnh Thái Bình thì bị lực lượng Công an huyện Kiến Xương phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng vụ án: Công an huyện Kiến Xương đã lập biên bản thu giữ của Q 01 gói bên ngoài gói bằng túi ni lông màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng đục dạng cục, Q và L đều khai đó là gói ma túy do cả hai góp tiền mua ở chợ G; 01 xe mô tô nhãn hiệu DITECH màu xanh, biển kiểm soát 17H2-8343 của bị cáo Lê Văn L.

Bản Kết luận giám định số 101/KLGD - PC 54 ngày 29/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Lê Văn Q là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,4815 gam (Không phải bốn nghìn tám trăm mười lăm gam).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L đều khai nhận về hành vi phạm tội và không có ý kiến, khiếu nại gì về việc cơ quan điều tra thu giữ, quản lý vật chứng của các bị cáo, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình.

Bản Cáo trạng số 38/KSĐT ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Q mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,4502 gam Hêrôin thu giữ của Lê Văn Q hoàn lại sau giám định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương. Các bị cáo nói lời sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ các lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý và niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác của vụ án; có đủ cơ sở kết luận: Lê Văn Q và Lê Văn L đều là các đối tượng có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vào 11 giờ 30 phút 29/3/2017 tại chợ Gốc thuộc thôn Đ B, xã B T, huyện K X, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Kiến Xương bắt quả tang, thu giữ trên người bị cáo Q 01 gói ma túy là của Q và L chung tiền mua ma túy về sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán kiếm lời, theo kết luận giám định là Hêrôin có trọng lượng 0,4815 gam. Do đó bị cáo Q và bị cáo L đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình

sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội nghiêm trọng, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, đồng thời làm ảnh hưởng tiêu cực cho đời sống xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Khi quyết định hình phạt cần xem xét: Tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 về quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, đã giảm hình phạt so với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Do đó cần áp dụng mức hình phạt có lợi đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, rủ nhau chung tiền, cùng đi mua ma túy về sử dụng, số tiền bỏ ra mua ma túy ngang nhau, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo L và Q đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và đều có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có 01 tiền sự: Ngày 20/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định số 7333 áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở bắt buộc; ngày 19/7/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định số 2866 hoãn chấp hành chữa bệnh ở Trung tâm chữa bệnh giáo dục – lao động – xã hội vì lý do L mắc bệnh viêm phế quản, phổi nằm ngoài khả năng chữa trị của trung tâm, đến nay bị cáo L chưa chấp hành phần thời gian còn lại của Quyết định 7333 ngày 20/12/2011. Bị cáo Q có 01 tiền án về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích, lần này phạm tội bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Q nghiêm khắc hơn so với bị cáo L.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng*”. Xét thấy các bị cáo mua ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán kiếm lời, các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: 0,4815 gam Hêrôin thu giữ của bị cáo Lê Văn Q, sau giám định còn lại 0,4502 gam là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu DITECH màu xanh, biển kiểm soát 17H2-8343 do bị cáo Lê Văn L là chủ sở hữu, Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho L là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 29 tháng 3 năm 2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 29 tháng 3 năm 2017).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,4502 gam Hêrôin thu giữ của Lê Văn Q hoàn lại sau giám định đựng trong bao niêm phong số 101/KLGD của Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Bình. *(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Kiến Xương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương ngày 17/7/2017).*

3. Án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K X;
- Công an huyện K X;
- Chi cục THADS huyện K X;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đông Giang

